

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định trả lương

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG

Căn cứ Quyết định số 217/QĐ-EVN ngày 27/5/2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Thủy điện Tuyên Quang;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Hành chính và Lao động tại Tờ trình số 39/TTr-HCLĐ ngày 09/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định trả lương trong Công ty Thủy điện Tuyên Quang, mã số tài liệu: QyĐ-01-15.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2019 và thay thế quyết định số 725/QĐ-TĐTQ ngày 02/7/2018 về việc ban hành Quy định trả lương.


Điều 3. Trưởng các đơn vị và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty Thủy điện Tuyên Quang căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (e-copy);
- Đảng ủy (e-copy);
- Công đoàn (e-copy);
- Các đơn vị (e-copy);
- Lưu: VT, HCLĐ.

GIÁM ĐỐC

Dương Thanh Tuyên

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 1/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019


ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHÂN PHỐI:

1. Giám đốc	01
2. Phó Giám đốc	02
3. Đảng ủy Công ty	01
4. Công đoàn Công ty	01
5. Các đơn vị trong Công ty	05
6. Lưu: VT, HCLĐ	02

CHỦ TRÌ SOẠN THẢO: HÀNH CHÍNH VÀ LAO ĐỘNG
Người lập: Nguyễn Thị Thu Hiền – Chuyên viên
Người kiểm tra:
1. Phạm Văn Chuẩn – Phó phòng
2. Hoàng Văn Hương – Trưởng phòng
THÀNH PHẦN THAM GIA XEM XÉT:
1. Các đơn vị trong Công ty
2. Công đoàn Công ty
3. Chuyên viên pháp chế
NGƯỜI DUYỆT:
1. Dương Thanh Tuyên – Giám đốc Công ty

TÓM TẮT SỬA ĐỔI

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	TÓM TẮT NỘI DUNG SỬA ĐỔI
Lần 01	01.12.2014	Điều chỉnh điểm phức tạp và trách nhiệm công việc của người lao động, áp dụng cho cả 3 khu vực sản xuất của Công ty là sản xuất điện, sửa chữa lớn và sản xuất kinh doanh khác.
Lần 02	01.02.2015	Bổ sung quy định về phân phối tiền lương sửa chữa lớn tự làm; Sửa đổi tiêu chí xét hệ số thành tích K trong sản xuất điện; Chính sửa một số nội dung cho phù hợp với quy chế, quy định liên quan.

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG		Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG		Trang: 2/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

Lần 03	04.6.2015	Sửa đổi, bổ sung công đi làm tính lương hiệu quả, trả lương tăng giờ; tiêu chí đánh giá đơn vị; điều chỉnh khung điểm, điểm D; Điều chỉnh công thức trả lương tháng, lương quý; Điều chỉnh kỳ trả lương.
Lần 04	01.4.2017	Tách biệt quỹ tiền lương của người quản lý với quỹ tiền lương của người lao động. Bổ sung quy định về trả lương theo KPIs và sửa đổi, bổ sung một số quy định cho phù hợp
Lần 05	01.7.2018	Chỉnh sửa quy định về trả lương sản xuất điện và sửa chữa lớn tự làm. Bổ sung quy định trả lương V3
Lần 06	21.5.2019	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động của EVN; Và sửa đổi một số nội dung khác cho phù hợp.



CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG

Mã số: QyĐ-01-15

Lần sửa đổi:
Lần thứ sáu

QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG


Trang: 3/26

Ngày sửa đổi
21/5/2019

Ngày có hiệu lực:
01/11/2019

MỤC LỤC

I. MỤC ĐÍCH	4
II. TÀI LIỆU LIÊN QUAN.....	4
III. NỘI DUNG	5
Chương I	5
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
Điều 2. Nguyên tắc trả lương	5
Điều 3. Định nghĩa và các từ viết tắt	5
Điều 4. Thời giờ làm việc được trả lương	6
Điều 5. Thời giờ làm việc ngoài chế độ 40 giờ/tuần được chấm công nghỉ bù	7
Điều 6. Nguồn hình thành và sử dụng quỹ tiền lương	7
Chương II	8
PHÂN PHỐI QUỸ TIỀN LƯƠNG	8
Mục 1	8
QUỸ TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG	8
Điều 7. Cách thức phân phối quỹ tiền lương	8
Điều 8. Các khoản tiền lương của người lao động	8
Điều 9. Quy định về bố trí nghỉ bù	12
Điều 10. Tiền lương đối với người nghỉ hưởng chế độ BHXH	13
Điều 11. Điểm phức tạp và trách nhiệm công việc (D) làm căn cứ trả lương V2 cho người lao động	13
Điều 12. Quy định về xét điểm D của người lao động và tổng điểm D của đơn vị	14
Điều 13. Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân	14
Điều 14. Đánh giá hệ số thành tích K	14
Điều 15. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đơn vị	16
Mục 2	17
QUỸ TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ	17
Điều 16. Các khoản tiền lương của người quản lý	17
Chương III	18
QUY ĐỊNH VỀ HỘI ĐỒNG LƯƠNG	18
Điều 17. Các tiêu hội đồng, hội đồng về lương	18
Chương IV	19
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	19
Điều 18. Thời gian thanh toán tiền lương	19
Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị	19
Điều 20. Hiệu lực thi hành	20
Phụ lục 1: Điểm phức tạp và trách nhiệm tham chiếu của cán bộ công nhân viên trong Công ty	21
Phụ lục 2: Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc tháng của cá nhân	24
Phụ lục 3: Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc tháng của đơn vị	25

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 4/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

I. MỤC ĐÍCH

Để công tác quản lý Lao động - Tiền lương từng bước đi vào nề nếp, thực hiện đúng chế độ, chính sách của Nhà nước, đúng quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đối với người lao động; Khuyến khích người lao động phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo trong công tác, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao cho Công ty Thủy điện Tuyên Quang.

II. TÀI LIỆU LIÊN QUAN

Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về tiền lương;

Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn, vệ sinh lao động;


Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động; *Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 05/2015/NĐ-CP;*

Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Quyết định số 1339/QĐ- EVN ngày 30/12/2016 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành quy chế phân phối tiền lương sản xuất, kinh doanh điện của Công ty mẹ;

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 5/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

*Thỏa ước lao động tập thể Tập đoàn Điện lực Việt Nam ngày 02/8/2019;
Nội quy lao động ban hành kèm theo quyết định số 1351/QĐ-EVN ngày
18/9/2019 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;*

Quỹ tiền lương tạm giao hàng quý; quỹ lương được phê duyệt theo đơn giá; quỹ lương sửa chữa lớn tự làm theo các danh mục quyết toán hoàn thành;

Quy định thưởng an toàn điện trong Công ty Thủy điện Tuyên Quang.

III. NỘI DUNG

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được áp dụng trong Công ty Thủy điện Tuyên Quang.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;
- Người quản lý Công ty (gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng).

Điều 2. Nguyên tắc trả lương

2.1. Đảm bảo công bằng, dân chủ, công khai, minh bạch, khuyến khích người giỏi chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, giỏi về quản lý mang lại năng suất, chất lượng.


2.2. Không sử dụng quỹ tiền lương vào mục đích khác ngoài việc trả lương cho cán bộ, viên chức, công nhân, nhân viên của Công ty quy định tại khoản 1.2 điều 1 Quy định này.

2.3. Quỹ tiền lương của người quản lý được xác định riêng, tách riêng với quỹ tiền lương của người lao động; Không sử dụng quỹ tiền lương của người lao động để chi trả cho người quản lý.

2.4. Trả lương cho người lao động *hoàn thành nhiệm vụ trong 01 tháng* đảm bảo không thấp hơn mức lương theo hợp đồng lao động.

Điều 3. Định nghĩa và các từ viết tắt

3.1. Ngày công chế độ trong sản xuất điện: Là ngày công làm việc đảm bảo đủ chế độ 40 giờ/tuần, 8 giờ/công đối với chế độ làm việc bình thường, đảm

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 6/26	Ngày sửa đổi 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

bảo năng suất, chất lượng công việc. Đối với lực lượng vận hành và lực lượng bảo vệ làm việc theo lịch trực ca đảm bảo đủ chế độ 40 giờ/tuần.

3.2. Số ngày nghỉ có lý do: Là số ngày nghỉ được Giám đốc cho phép.

3.3. Tiền lương V1: Tiền lương theo hệ số lương và phụ cấp lương nhân với mức lương cơ sở do Công ty quyết định.

3.4. Tiền lương V2: Tiền lương theo kết quả hoàn thành công việc dựa trên các chỉ số về ngày công, điểm D và hệ số K.

3.5. Tiền lương V3: Tiền lương theo kết quả hoàn thành các chỉ tiêu KPIs được giao hàng năm, dựa trên các chỉ số về điểm D và KPIs.

3.6. KPIs là chỉ số đo lường hiệu quả công việc của cá nhân được giao hàng năm.

3.7. Nghỉ điều dưỡng: Nghỉ điều dưỡng phục hồi chức năng lao động theo chỉ tiêu được Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao hàng năm cho Công ty.

3.8. Đơn vị: Các phòng, phân xưởng trong Công ty.

3.9. Công ty: Công ty Thủy điện Tuyên Quang.

3.10. EVN: Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3.11. HCLĐ: Phòng Hành chính và Lao động.

3.12. KTAT: Phòng Kỹ thuật và An toàn.

3.13. KHVT: Phòng Kế hoạch và Vật tư

Điều 4. Thời giờ làm việc được trả lương


4.1. Thời giờ được tính hưởng lương V1

4.1.1. Thời giờ làm việc thực tế theo chế độ 40 giờ/tuần (5 ngày làm việc/1 tuần làm việc hoặc 1 tuần sắp xếp theo vòng ca đối với người làm việc theo ca).

4.1.2. Thời giờ đi công tác; *hội nghị*, *hội thảo*; học tập, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hoạt động phong trào, ... trong chế độ 40 giờ/tuần được Công ty phê duyệt.

4.1.3. Thời giờ làm việc, học, họp, ... của cán bộ Công đoàn trong chế độ 40 giờ/tuần (Theo điều 24 Luật Công đoàn). Ngoài giờ chế độ được Công ty chi trả lương phải có sự phê duyệt của Giám đốc.

4.1.4. Thời giờ nghỉ lễ, tết; *Nghỉ điều dưỡng*; *Tham gia lực lượng phòng cháy chữa cháy (huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ, trực tiếp chữa cháy hoặc phục vụ chữa cháy theo lệnh của người có thẩm quyền)*; *Tham gia công tác quốc phòng (tập huấn, hội thảo, phòng chống lũ bão...)* do Công ty cử đi.

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 7/26	Ngày sửa đổi 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

4.1.5. Thời giờ nghỉ phép; nghỉ việc riêng theo quy định của *Điều 116 Bộ Luật lao động và Khoản 2 Điều 12 Thỏa ước lao động tập thể EVN*.

4.2. Thời giờ được tính hưởng lương V2

Tính theo công thực làm và các ngày công quy định tại các khoản 4.1.2; 4.1.3; và 4.1.4 mục 4.1 điều này.

4.3. Thời giờ không được tính trả lương

- Thời giờ thực hiện công tác đoàn thể ngoài quy định tại mục 4.1 điều này.
- Thời giờ đi đường (đi hoặc về): đi công tác, hội thảo, họp, tập huấn, học tập... mà trùng vào ngày nghỉ.
- Thời giờ làm việc bị chậm (do lỗi chủ quan) theo tiến độ Công ty phê duyệt và những thời giờ thực hiện bảo hành.
- Không hoàn thành *khối lượng công việc được giao theo tiến độ kế hoạch* mà người quản lý phải huy động đi làm vào ngày nghỉ để hoàn thành công việc.

Điều 5. Thời giờ làm việc ngoài chế độ 40 giờ/tuần được chấm công nghỉ bù

- Thời giờ đi công tác, hội thảo, học, họp, tập huấn, kiểm tra, tham gia phong trào, ... theo văn bản được Lãnh đạo Công ty hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Thời giờ thực hiện các công việc sản xuất điện theo kế hoạch có trước mà không phải đột xuất và cần đưa thiết bị vào làm việc ngay (tiểu tu, giám sát, sửa chữa thay thế thiết bị, ...).

Điều 6. Nguồn hình thành và sử dụng quỹ tiền lương


6.1. Quỹ tiền lương của người quản lý

Là quỹ lương sản xuất điện của người quản lý do EVN tạm giao, quyết toán.

6.2. Quỹ tiền lương của người lao động

Là quỹ tiền lương sản xuất điện của người lao động do EVN tạm giao, quyết toán.

6.3. Toàn bộ quỹ lương của người lao động dùng để phân phối cho người lao động trong Công ty. Toàn bộ quỹ lương của người quản lý để phân phối cho Ban Giám đốc Công ty và kế toán trưởng (nếu có).

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 8/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

Chương II PHÂN PHỐI QUỸ TIỀN LƯƠNG

Mục 1 QUỸ TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 7. Cách thức phân phối quỹ tiền lương

7.1. Phân phối tiền lương hàng tháng

Trên cơ sở quyết định của EVN tạm giao quỹ tiền lương mỗi quý cho Công ty, thực hiện chia đều cho 03 tháng trong quý đó để chi trả lương cho người lao động theo các khoản 8.1, 8.2, 8.4, 8.5 và 8.6 điều 8 Quy định này, được thanh toán 01 lần/tháng theo thời gian nêu tại khoản 18.1 điều 18.

7.2. Phân phối tiền lương quyết toán năm

7.2.1. Sau khi EVN có quyết định phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực hiện hàng năm, phần tiền lương còn lại sẽ được phân phối tới người lao động theo hiệu quả công việc.

7.2.2. Tiền lương quyết toán năm gồm lương V2 và V3, trong đó quỹ lương V3 không vượt quá 10% tổng quỹ lương năm được duyệt của Công ty.

7.2.3. Phòng HCLĐ tham mưu Giám đốc phê duyệt quỹ tiền lương V3 hàng năm đảm bảo quy định nêu tại khoản 7.2.2 điều này, làm cơ sở phân phối tới người lao động theo quy định tại khoản 8.3 điều 8.

Điều 8. Các khoản tiền lương của người lao động.

8.1. Tiền lương V1

$$V1 = \text{Lương cấp bậc} + \text{phụ cấp chức vụ} + \text{phụ cấp trách nhiệm} \quad (1)$$

$$\text{Lương cấp bậc} = (L_{tt} \times H_{cb} \times N_{lv}) / N_{cd}$$

$$\text{Phụ cấp chức vụ} = (L_{tt} \times H_{cv} \times N_{lv}) / N_{cd}$$

$$\text{Phụ cấp trách nhiệm} = (L_{tt} \times H_{tn} \times N_{lv}) / N_{cd}$$


Trong đó:

L_{tt} : Mức tiền lương tối thiểu do Công ty quy định (1.800.000 đồng/tháng)-

H_{cb} : Hệ số lương cấp bậc công việc

H_{cv} , H_{tn} : Hệ số phụ cấp chức vụ, trách nhiệm

N_{lv} : Ngày công trong tháng được tính công chế độ

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 9/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

N_{cd} : Ngày công trong chế độ làm việc 40 giờ/tuần của tháng tính trả lương

8.2. Tiền lương V2

8.2.1. Là tiền lương hiệu quả công việc xác định theo ngày công, điểm D và hệ số K.

8.2.2. *Những cá nhân không đăng ký kế hoạch tháng thì sẽ không được trả lương V2, đơn vị chỉ giao việc gián đơn hàng ngày cho những trường hợp này. Khi đó, cá nhân hưởng lương theo hệ số lương nhân với mức lương cơ sở doanh nghiệp do EVN quy định.*

8.2.2. Công thức xác định

$$V_{2i} = \frac{1/3V - \sum(V_1 + V_{tg} + V_{ld} + T_f)}{\sum_{i=1}^m N_i \times D_i \times K_i} \times N_i \times D_i \times K_i \quad (2)$$

Trong đó:

V_{2i} : Tiền lương V2 của người thứ i

V: Quỹ tiền lương quý theo quyết định tạm giao của EVN

V_{tg} : Quỹ tiền lương làm thêm giờ (nếu có)

V_{ld} : Quỹ tiền lương làm đêm (nếu có)

T_f : Tiền lương những ngày phép chưa nghỉ (nếu có)

N_i : Ngày công được trả lương V2 của người lao động thứ i, xác định theo khoản 4.2 điều 4 quy định này.


D_i : Điểm phức tạp và trách nhiệm công việc người lao động thứ i đảm nhận, xác định theo khoản 12.1 điều 12 quy định này.

K_i : Hệ số thành tích trong tháng của người lao động thứ i, xác định theo điều 14 quy định này.

m: Tổng số người được trả lương V2 trong tháng.

8.3. Tiền lương V3

8.3.1. Là tiền lương theo kết quả hoàn thành các chỉ tiêu KPIs cá nhân được giao hàng năm.

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 10/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

8.3.2. *Chỉ trả lương V3 cho những cá nhân được giao KPIs trong năm và thực hiện báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện các chỉ tiêu đó theo quy định.*

8.3.3. Công thức xác định

$$V_{3i} = \frac{V_{3n} * D_i * KPIs_i}{\sum_{i=1}^n D_i * KPIs_i} \quad (3)$$

Trong đó:

V_{3i} : Tiền lương V3 của người thứ i

V_{3n} : Quỹ tiền lương V3 theo quy định tại khoản 7.2.3 điều 7

$KPIs_i$: Điểm hoàn thành các chỉ tiêu KPIs của người thứ i trong năm

D_i : Điểm D được xét, tính bình quân 12 tháng trong kỳ được giao KPIs (trường hợp người lao động không đi làm đủ 12 tháng trong năm thì vẫn chia 12)

n: Tổng số người được trả lương V3

8.4. Tiền lương làm việc ban đêm

Người lao động làm việc vào ban đêm thì được trả thêm bằng 30% tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường.

8.5. Tiền lương làm thêm giờ

8.5.1. Làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường theo thỏa ước lao động, nội quy lao động và hợp đồng lao động.

8.5.2. Các trường hợp phát sinh công thêm giờ

a. Xử lý sự cố trong sản xuất hoặc giải quyết công việc cấp bách của Công ty mà không thể trì hoãn được;


b. Cấp cứu người lao động;

c. Khắc phục hậu quả nghiêm trọng do thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh;

d. Làm việc thêm giờ trong các ngày lễ, tết.

8.5.3. Thời giờ làm thêm

Việc huy động người lao động làm thêm giờ không quá 4 giờ/ngày (đối với ngày thường), không quá 12 giờ/ngày (đối với ngày lễ, tết, và ngày nghỉ hàng

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 11/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

tuần), không quá 30 giờ/tháng. Tổng số giờ huy động một người làm thêm không quá 300giờ/năm.

8.5.4. Thủ tục khi huy động làm thêm giờ

a. Trước khi thực hiện làm thêm giờ, người quản lý trực tiếp phải báo cáo người sử dụng lao động hoặc gửi giấy huy động làm thêm giờ (qua email hoặc fax hoặc Eoffice) để phê duyệt.

b. Kết thúc làm thêm giờ phải gửi Giấy điều động có đầy đủ chữ ký các bên liên quan về phòng HCLĐ thẩm tra, trình Giám đốc duyệt.

8.5.5. Chi trả tiền lương làm thêm giờ

a. Công thức chi trả

$$V_{tg} = \frac{T_t}{N_{cd} \times 8} \times G_{tti} \times H_{tt} \quad (4)$$

Trong đó:

T_t : Tiền lương người lao động được trả cho công việc đang làm của ngày làm việc bình thường, trong tháng người đó làm thêm giờ.

G_{tti} : Số giờ làm thêm được duyệt trong tháng của người lao động

H_{tt} : Hệ số tăng thêm khi tính tiền lương làm thêm giờ


- Làm thêm giờ vào ngày thường: $H_{tt} = 1,5$
- Làm thêm giờ vào ngày nghỉ hàng tuần: $H_{tt} = 2,0$
- Làm thêm giờ vào ngày lễ, tết: $H_{tt} = 3,0$

b. Công làm thêm giờ được thanh toán dứt điểm trong tháng làm thêm giờ. Nếu người lao động nghỉ bù những giờ làm thêm thì Công ty chỉ phải thanh toán phần chênh lệch tăng thêm (bằng 50% nếu làm thêm vào ngày thường; 100% nếu làm thêm vào ngày nghỉ hàng tuần; 200% nếu làm vào ngày lễ, tết).

8.5.6. Làm thêm giờ vào ban đêm

Thanh toán theo công thức (4) quy định tại khoản 8.5.5 điều này, trong đó hệ số H_{tt} được xác định như sau:

- Làm thêm giờ vào ban đêm của ngày thường: $H_{tt} = 2$
- Làm thêm giờ vào ban đêm của ngày nghỉ hàng tuần: $H_{tt} = 2,7$
- Làm thêm giờ vào ban đêm của ngày lễ, tết: $H_{tt} = 3,9$

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 12/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

8.6. Tiền lương những ngày phép chưa nghỉ

8.6.1. Đối tượng được thanh toán

a. Người lao động thôi việc hoặc bị mất việc làm mà chưa nghỉ phép hàng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ phép hàng năm thì được thanh toán bằng tiền những ngày chưa nghỉ.

b. Người lao động có dưới 12 tháng làm việc thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng với số thời gian làm việc. Trường hợp khi thôi việc hoặc bị mất việc làm mà chưa nghỉ hết phép thì sẽ được thanh toán bằng tiền những ngày chưa nghỉ.

c. Người lao động xin nghỉ phép mà người sử dụng lao động không bố trí thì được thanh toán phép. Người lao động không nghỉ phép thì không được thanh toán những ngày phép không nghỉ.

8.6.2. Công thức xác định

$$T_{fi} = \frac{T_{hdld}}{N_{cd}} * \left[\frac{(N_i + N_{tmi}) * t_i}{12} - N_{ni} \right] \quad (5)$$

Trong đó:

T_{hdld} : Tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề theo quy định tại khoản 3 điều 26 nghị định 05/2015/NĐ-CP.

N_i : Số ngày nghỉ hàng năm của người thứ i.

N_{tmi} : Số ngày nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có) của người thứ i.

t_i : Số tháng làm việc thực tế trong năm của người thứ i.


N_{ni} : Số ngày phép đã nghỉ trong năm của người thứ i.

Điều 9. Quy định về bố trí nghỉ bù

9.1. Các thời giờ nghỉ bù

- Nghỉ bù thời giờ thực làm thêm giờ.
- Nghỉ bù thời giờ làm việc ngoài chế độ 40 giờ/tuần chấm công nghỉ bù (quy định tại điều 5).

9.2. Theo nội dung công việc mà đã có kế hoạch làm việc ngoài giờ vào ngày nghỉ, ngày lễ, tết, cán bộ quản lý của đơn vị lập kế hoạch để người lao động được nghỉ bù trước hoặc sau thời gian thực hiện làm ngoài giờ (nghỉ trong tháng

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 13/26	Ngày sửa đổi 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

phát sinh công hoặc tháng sau liền kề). Nếu không nghỉ theo quy định này thì không được lưu công bù.

Điều 10. Tiền lương đối với người nghỉ hưởng chế độ BHXH

Người lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, tiền lương những ngày nghỉ do Cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp. Nếu trong tháng có đi làm thực tế thì Trưởng đơn vị căn cứ hiệu quả công việc để xét điểm D cho nhân viên theo điều 12 Quy định này, làm cơ sở thanh toán tiền lương cho những ngày đi làm.

Điều 11. Điểm phức tạp và trách nhiệm công việc (D) làm căn cứ trả lương V2 cho người lao động

11.1. Phân nhóm các chức danh công việc


- Trưởng, Phó đơn vị, Phụ trách đơn vị.
- Kỹ sư, chuyên viên, cử nhân, kế toán viên.
- Công nhân; Cán sự, kỹ thuật viên; Thủ kho; Lái xe.
- Văn thư, lưu trữ.
- Lao động khác.

11.2. Khung điểm phức tạp và trách nhiệm công việc cho mỗi chức danh

TT	Chức danh nghề nghiệp	Khung điểm D
1	Trưởng, Phó đơn vị, Phụ trách đơn vị	50 ÷ 80
2	Kỹ sư, chuyên viên, cử nhân, kế toán viên	20 ÷ 43
3	Công nhân; Cán sự, kỹ thuật viên; Thủ kho; Lái xe	10 ÷ 35
4	Văn thư, Lưu trữ	10 ÷ 20
5	Lao động khác	Đến 10

11.3. Công ty ban hành điểm chuẩn của từng cán bộ, công nhân viên trong Công ty phù hợp với khung nêu tại mục 11.2 điều này (Chi tiết tại phụ lục 1 đi kèm). *Trường hợp đặc biệt do Giám đốc quyết định.*

Hàng tháng căn cứ vào khối lượng công việc và kết quả hoàn thành, Trưởng đơn vị đánh giá, xét điểm D chính thức cho người lao động theo điều 12 Quy định này.

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 14/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

Điều 12. Quy định về xét điểm D của người lao động và tổng điểm D của đơn vị

12.1. Xét điểm D hàng tháng của người lao động

12.1.1. Tổng số điểm cộng thêm so với điểm chuẩn của mỗi cá nhân trong mỗi tháng không quá 3 điểm và không được vượt quá khung điểm theo chức danh nêu tại khoản 11.2 điều 11 Quy định này. Không hạn chế điểm trừ so với điểm chuẩn (khi trừ điểm phải hợp, trao đổi, phân tích để thống nhất trừ điểm).

12.1.2. Chỉ cộng điểm cho các trường hợp: Làm thêm công việc của nhân viên khác do người đó xin nghỉ (phép, bù, ốm, ...) hoặc năng lực không làm được; Khối lượng công việc phát sinh ngoài kế hoạch mà người lao động phải nỗ lực cao để hoàn thành.

12.2. Điều chỉnh điểm D tham chiếu của người lao động

Định kỳ một năm một lần, Trưởng đơn vị đề xuất điều chỉnh điểm D của nhân viên, gửi Hội đồng lương Công ty (thông qua phòng HCLĐ) trước ngày 31/3 để xem xét, quyết định. Trường hợp người lao động thường xuyên không hoàn thành kế hoạch công tác được giao thì Công ty sẽ điều chỉnh lại điểm D tham chiếu năm sau liền kề của người đó.

12.3. Tổng điểm D của đơn vị

12.3.1. Trên cơ sở điểm D tham chiếu của từng người lao động trong từng đơn vị sẽ xác định được tổng điểm D của đơn vị đó. Trong từng tháng trả lương, tổng điểm D của đơn vị không được vượt quá tổng điểm tham chiếu của người lao động trong đơn vị đó.

12.3.2. Khi Giám đốc có văn bản điều chỉnh điểm D tham chiếu của người lao động trong đơn vị, thì tổng điểm D của đơn vị đó sẽ thay đổi theo.

Điều 13. Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân


Đánh giá mức độ hoàn thành công việc của mỗi cá nhân là căn cứ để xét hệ số thành tích K của cá nhân đó. Điểm hoàn thành công việc trong tháng của mỗi cá nhân tối đa là 100 điểm, cứ mỗi vi phạm theo phụ lục 2 Quy định này sẽ bị trừ điểm tương ứng.

Điều 14. Đánh giá hệ số thành tích K

14.1. Tiêu chí đánh giá

14.1.1. Mức K = 1,2

Người lao động phải đảm bảo đạt được đồng thời các tiêu chí tại điểm a và một trong số các tiêu chí tại điểm b khoản 14.1.1, cụ thể:

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 15/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

a. Điểm hoàn thành công việc tháng đạt 100 điểm; Số ngày nghỉ có lý do trong tháng không quá 02 ngày; Không vi phạm các nội quy, quy chế, quy định, quy trình, pháp luật của Nhà nước; Phối hợp tốt với các đơn vị liên quan.

b. Một số tiêu chí khác

- Có sáng kiến được công nhận;
- Có giá trị làm lợi từ 30 tháng lương tối thiểu vùng trở lên.

14.1.2. Mức K = 1,1

Người lao động phải đảm bảo đạt được đồng thời các tiêu chí tại điểm a và điểm b khoản 14.1.2, cụ thể:

a. Điểm hoàn thành công việc tháng đạt 100 điểm; Số ngày nghỉ có lý do trong tháng không quá 03 ngày; Không vi phạm các nội quy, quy chế, quy định, quy trình, pháp luật của Nhà nước; Phối hợp tốt với các đơn vị liên quan.

b. Có giá trị làm lợi từ 10 tháng lương tối thiểu vùng trở lên.

14.1.3. Mức K = 1,0: Người lao động phải đạt đủ bốn điều kiện sau đây

a. Điểm hoàn thành công việc tháng đạt 90 điểm trở lên, chất lượng công việc trung bình trở lên;

b. Không vi phạm nội quy, quy chế, quy định, quy trình của Công ty; không vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước;

c. Số ngày nghỉ có lý do trong tháng không quá 05 ngày (không bao gồm nghỉ phép, nghỉ chế độ BHXH);

d. Phối hợp tốt với các đơn vị liên quan.

14.1.4. Mức K = 0,9: Người lao động phạm một trong các lỗi sau

a. Điểm hoàn thành công việc tháng đạt từ 75 điểm đến dưới 90 điểm;


b. Giảm thưởng an toàn điện: từ 20 đến dưới 40 điểm (đối với trường hợp 150 điểm chuẩn) hoặc từ 15 đến dưới 30 điểm (đối với các trường hợp khác);

c. Vi phạm nội quy, quy chế, quy định, quy trình của Công ty hoặc vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước bị nhắc nhở;

d. Số ngày nghỉ có lý do trong tháng quá 05 ngày (không bao gồm nghỉ phép, nghỉ chế độ BHXH).

14.1.5. Mức K = 0,8: Người lao động phạm một trong các lỗi sau

a. Điểm hoàn thành công việc tháng đạt từ 50 điểm đến dưới 75 điểm;

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 16/26	Ngày sửa đổi 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

b. Giảm thưởng an toàn điện: từ 40 điểm trở lên (*đối với trường hợp 150 điểm chuẩn*) hoặc từ 30 điểm trở lên (*đối với các trường hợp khác*);

c. Vi phạm nội quy, quy chế, quy định, quy trình của Công ty hoặc vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước bị khiển trách;

d. Số ngày nghỉ có lý do trong tháng quá 06 ngày (không bao gồm nghỉ phép, nghỉ chế độ BHXH).

14.1.6. Mức K = 0: Người lao động phạm một trong các lỗi sau

a. Vi phạm nội quy, quy chế, quy định, quy trình của Công ty, hoặc vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước bị kỷ luật bằng văn bản (Trừ hình thức khiển trách nêu tại khoản 14.1.5 điều này).

b. Trong tháng, cá nhân bị giảm thưởng an toàn điện bằng 0.

c. Điểm hoàn thành công việc tháng dưới 50 điểm.

14.2. Phân cấp đánh giá hệ số K

- Trưởng đơn vị đánh giá hệ số K của nhân viên và cấp phó của đơn vị đó.

- Giám đốc đánh giá hệ số K của Trưởng đơn vị căn cứ vào khoản 15.3 điều 15 và các tiêu chí về số ngày nghỉ có lý do, điểm ATĐ, thực hiện quy định của EVN/đơn vị, pháp luật của Nhà nước nêu tại khoản 14.1 điều này.

Điều 15. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đơn vị

15.1. Tiêu chí đánh giá (Chi tiết tại phụ lục 3 đi kèm)

- Khi sơ kết kế hoạch công tác hàng tháng, chỉ tổng kết tính điểm những công việc trong tháng đó thực sự có diễn ra.

- Nếu đơn vị nào có tên theo văn bản được Lãnh đạo duyệt *phân giao nhiệm vụ trong các hoạt động phong trào* mà không tham gia, thì hạ một bậc xếp hạng của đơn vị đó.

15.2. Xếp hạng đơn vị

- Đạt trên 95 điểm trở lên: xếp hạng A (K=1,2)


- Đạt từ 90 đến 95 điểm: xếp hạng B (K=1,1)

- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: xếp hạng C (K=1,0)

- Đạt từ 65 đến dưới 80 điểm: xếp hạng D (K=0,9)

- Đạt từ 50 đến dưới 65 điểm: xếp hạng E (K=0,8)

- Đạt dưới 50 điểm: xếp hạng F (K=0).

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 17/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

15.3. Sử dụng kết quả xếp hạng đơn vị

Kết quả xếp hạng đơn vị là căn cứ để xét hệ số K của Trưởng đơn vị.

Mục 2

QUỸ TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 16. Các khoản tiền lương của người quản lý

16.1. Tiền lương cơ bản

$$V_{1qli} = \frac{H_{cbi} \times L_{cs}}{N_{cd}} \times N_{li} \quad (6)$$

Trong đó:

V_{1qli} : Tiền lương cơ bản của người quản lý thứ i

H_{cbi} : Hệ số lương cấp bậc công việc của người quản lý thứ i

N_{li} : Ngày công theo quy định tại mục 4.1 điều 4 Quy định này

16.2. Tiền lương tăng thêm

$$V_{2qli} = \frac{V_{ql}/3 - \sum V_{1qli}}{\sum_{i=1} (N_{2i} \times D_i \times K_i)} \times N_{2i} \times D_i \times K_i \quad (7)$$

Trong đó:

V_{2qli} : Tiền lương tăng thêm của người quản lý thứ i

V_{ql} : Quỹ lương của người quản lý theo quyết định EVN tạm giao hàng quý


N_{2i} : Ngày công theo quy định tại mục 4.2 điều 4 Quy định này

D_i : Điểm D của người quản lý thứ i (theo phụ lục 1 đi kèm)

K_i : Hệ số K của người quản lý thứ i (do Giám đốc quyết định trên cơ sở kết quả thực hiện các công việc theo phân giao nhiệm vụ).

n: Số người quản lý được phân phối tiền lương tăng thêm

16.3. Quỹ tiền lương năm còn lại của người quản lý được chia theo tiền lương tăng thêm V2.

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 18/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

16.4. Tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ

Tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ của người quản lý cũng được chi trả tương tự các quy định tại mục 8.4 và mục 8.5 điều 8 Quy định này.

Chương III QUY ĐỊNH VỀ HỘI ĐỒNG LƯƠNG

Điều 17. Các tiêu hội đồng, hội đồng về lương

17.1. Tiêu Hội đồng lương của đơn vị

17.1.1. Thành phần

- Trưởng đơn vị: Chủ trì
- Tổ trưởng công đoàn đơn vị: Ủy viên
- Phó đơn vị, Tổ trưởng: Ủy viên

17.1.2. Nhiệm vụ

Họp xét điểm D, hệ số thành tích K, điểm thưởng an toàn điện, thông báo công khai đến người lao động. Tổng hợp kết quả gửi phòng HCLĐ tổng hợp theo đúng thời gian nêu tại điều 19 Quy định này.


17.2. Hội đồng lương Công ty

17.2.1. Thành phần

- Giám đốc: Chủ tịch Hội đồng
- Phó Giám đốc: Phó chủ tịch Hội đồng
- Trưởng phòng HCLĐ: Ủy viên thường trực
- Chủ tịch công đoàn Công ty: Ủy viên
- Trưởng các đơn vị: Ủy viên
- Bộ phận lao động tiền lương: Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng.

17.2.2. Nhiệm vụ

Xét điểm D, hệ số K hàng tháng và điểm KPIs cuối năm cho người lao động; quyết định thay đổi điểm tham chiếu của người lao động.

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 19/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Thời gian thanh toán tiền lương

18.1. Từ ngày 10 ÷ 15 hàng tháng, Công ty thanh toán tiền lương V1 và V2 của tháng trước liền kề tới người lao động và người quản lý.

18.2. Tiền lương V3 được chi trả sau khi EVN quyết toán tiền lương năm cho Công ty.

Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị

19.1. Các phòng/phân xưởng chuyên môn

19.1.1. Báo cáo nhân sự hàng ngày chính xác; đăng ký, quản lý và chấm công giờ làm thêm, làm đêm theo quy định.

19.1.2. Lập kế hoạch tháng sau, báo cáo thực hiện tháng theo quy định.

19.1.3. Tự chấm điểm hoàn thành kế hoạch tháng, đề xuất điểm trừ đảm bảo tuân thủ đúng các quy định nêu tại *mục III* phụ lục 3 Quy định này.

19.1.4. Theo dõi, đánh giá chính xác kết quả hoàn thành công việc của các nhân viên trong đơn vị theo các tiêu chí nêu tại phụ lục 2 Quy định này.

19.1.5. Chậm nhất ngày 03 của tháng sau liền kề phải gửi bảng tổng hợp xét điểm D, hệ số K, điểm hoàn thành công việc tháng của cá nhân, điểm thưởng ATĐ về phòng HCLĐ.

19.2. Phòng Hành chính và Lao động


19.2.1. Xây dựng kế hoạch Lao động – Tiền lương, kế hoạch phân phối tiền lương, quyết toán quỹ tiền lương với EVN.

19.2.2. Duyệt công, lập bảng thanh toán lương và tham gia vào Hội đồng lương của Công ty, thông báo bằng văn bản cho các đơn vị về kết luận của Hội đồng lương.

19.2.3. Thẩm tra kết quả xét điểm D, hệ số K và điểm KPIs của các đơn vị, trình Hội đồng lương quyết định.

19.2.4. Tăng cường công tác pháp chế, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nội quy lao động, các nội quy, quy định khác của đơn vị, của EVN và Pháp luật của Nhà nước.

19.3. Phòng Kế hoạch và Vật tư

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 20/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

Chủ trì đánh giá điểm hoàn thành kế hoạch tháng, đề xuất điểm trừ đối với các đơn vị nộp kế hoạch chậm, không tự chấm điểm hoàn thành kế hoạch, nội dung kế hoạch không sát với thực tế hoặc báo cáo kế hoạch không chi tiết cụ thể, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định nêu tại mục I phụ lục 3 Quy định này.

19.4. Phòng Tài chính kế toán

19.4.1. Kiểm tra việc tuân thủ chế độ chính sách của Nhà nước về tiền lương trong bảng lương.

19.4.2. Tổ chức chi trả tiền lương cho các đơn vị theo đúng thời gian quy định.

19.4.3. Tham gia cùng phòng HCLĐ trong việc trình, duyệt và quyết toán tiền lương hàng năm.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

20.1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2019.

20.2. Điều khoản chuyển tiếp

20.2.1. Tiền lương và phụ cấp lương tháng 10 năm 2019 của người lao động, người quản lý Công ty chi trả trong tháng 11 năm 2019 được thực hiện theo Quy định này.

20.2.2. Những nội dung không đề cập trong Quy định này được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành và quyết định của Giám đốc.

20.3. Quy định trả lương ban hành kèm theo quyết định số 725/QĐ-TĐTQ ngày 02/7/2018 hết hiệu lực kể từ ngày Quy định này được ban hành.



CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG

Mã số: QyĐ-01-15

Lần sửa đổi:
Lần thứ sáu

QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG

Trang: 21/26

Ngày sửa đổi
21/5/2019

Ngày có hiệu lực:
01/11/2019

Phụ lục 1: Điểm phức tạp và trách nhiệm tham chiếu của cán bộ công nhân viên trong Công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ/ Chức danh công việc	Điểm D	Ghi chú
A	NGƯỜI QUẢN LÝ		280	
1	Dương Thanh Tuyên	Giám đốc	100	
2	Phạm Văn Thành	Phó Giám đốc KTSC	90	
3	Vũ Văn Tinh	Phó Giám đốc KTSX	90	
B	NGƯỜI LAO ĐỘNG		2370	
I	Phòng HCLĐ		388	
1	Hoàng Văn Hương	Trưởng phòng	70	
2	Phạm Văn Chuẩn	Phó phòng	55	
3	Phùng Vĩnh Tường	Phó phòng	33	
4	Nguyễn Thị Thu Hiền	Chuyên viên	33	
5	Phạm Phương Thủy	Chuyên viên	30	
6	Đông Thu Phương	Chuyên viên	28	
7	Đỗ Thị Hoa	<i>Kỹ thuật viên</i>	20	
8	Trần Văn Tuyền	Công nhân lái xe	20	
9	Hoàng Bình Tiến	Công nhân lái xe	18	
10	Vũ Cao Cường	Công nhân lái xe	16	
11	Nguyễn Ngọc Toàn	Y sỹ, cán sự hành chính	16	
12	Phạm Thị Thu Hà	Văn thư, lưu trữ	19	
13	Nguyễn Thị Gấm	Nhân viên hành chính	5	
14	Hoàng Văn Tuyền	Bảo vệ	5	
15	Trần Văn Đôn	Bảo vệ	5	
16	Nguyễn Văn Hường	Bảo vệ	5	
17	Hoàng Mạnh Hùng	Bảo vệ	5	
18	Nông Việt Tuấn	Bảo vệ	5	
II	Phòng KHVT		219	
1	Lương Khắc Chính	Phó phụ trách phòng	65	
2	Vũ Nhật Kiên	Chuyên viên	33	
3	Vũ Minh Tuyên	Chuyên viên	33	
4	Vũ Khải Hoàn	Chuyên viên	33	
5	Đào Thị Minh	Cán sự, thủ quỹ Công ty	19	Cộng 01 điểm làm thủ quỹ
6	Nguyễn Thị Thu	Thủ kho	18	
7	Cao Thị Phương Thủy	Thủ kho	18	

**CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG**

Mã số: QyĐ-01-15

Lần sửa đổi:
Lần thứ sáu**QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG**

Trang: 22/26

Ngày sửa đổi
21/5/2019Ngày có hiệu lực:
01/11/2019

TT	Họ và tên	Chức vụ/ Chức danh công việc	Điểm D	Ghi chú
III	Phòng KTAT		303	
1	Nguyễn Văn Luận	Trưởng phòng	70	
2	Mai Văn Dũng	Kỹ sư	33	
3	Hoàng Bắc Chiến	Kỹ sư	33	
4	Nguyễn Thị Diệu Hương	Kỹ sư	33	
5	Nguyễn Văn Thư	Kỹ sư	33	
6	Tạ Hữu Thành	Kỹ sư an toàn	35	Cộng 02 điểm làm an toàn chuyên trách
7	Lê Minh Trường	Kỹ sư	33	
8	Phạm Hoài Nam	Kỹ sư	33	
IV	Phòng TCKT		191	
1	Nguyễn Mạnh Hà	Trưởng phòng	70	
2	Phạm Anh Tráng	Phó phòng	55	
3	Hoàng Thị Bích Liên	Chuyên viên	33	
4	Hoàng Thị Thu Hương	Chuyên viên	33	
V	Phân xưởng Vận hành		1269	
1	Nguyễn Duy Quang	Phụ trách đơn vị	50	
2	Hoàng Văn Lộc	Phó Quản đốc	55	
3	Đào Trọng Quang	Kỹ sư	30	
4	Đào Văn Long	Kỹ sư	30	
5	Lê Hồng Thanh	Cán sự	16	
6	Lương Văn Sáng	Kỹ sư	23	
7	Ngô Thành Nam	Kỹ sư	23	
8	Vương Ngọc Chính	Kỹ sư	23	
9	Nguyễn Bình Thiêm	Công nhân sửa chữa điện	23	
10	Trần Đức Anh	Công nhân sửa chữa thiết bị truyền dẫn trên tuyến và mạng điện thoại nội hạt	23	
11	Nguyễn Văn Hồng	Kỹ sư	20	
12	Lê Chí Nguyên	Kỹ sư	20	
13	Trần Cao Cường	Kỹ sư	20	
14	Nguyễn Văn Quân	Trưởng ca	40	
15	Dương Đức Thuận	Trưởng ca	40	
16	Đường Xuân Hoàn	Trưởng ca	40	
17	Đình Hoàng Hải	Trưởng ca	40	

**CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG**


Mã số: QyĐ-01-15

Lần sửa đổi:
Lần thứ sáu**QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG**

Trang: 23/26


Ngày sửa đổi
21/5/2019Ngày có hiệu lực:
01/11/2019

TT	Họ và tên	Chức vụ/ Chức danh công việc	Điểm D	Ghi chú
18	Tạ Hữu Vinh	Trưởng kíp GM	27	
19	Vũ Đức Tuấn	Trưởng kíp GM	27	
20	Lê Ngọc Khoán	Trưởng kíp GM	27	
21	Đoàn Văn Minh	Trưởng kíp GM	27	
22	Lê Tuấn Anh	Trưởng kíp GM	27	
23	Phạm Khắc Tuyền	CNVH chính nhà máy	23	
24	Nguyễn Anh Tuấn	CNVH chính nhà máy	23	
25	Trịnh Quang Tiến	CNVH chính nhà máy	23	
26	Nguyễn Quang Ánh	CNVH chính nhà máy	23	
27	Vũ Mạnh Cường	CNVH chính nhà máy	23	
28	Nguyễn Thành Công	CNVH chính nhà máy	23	
29	Trần Ngọc Duy	CNVH chính nhà máy	23	
30	Nguyễn Văn Dương	CNVH chính nhà máy	23	
31	Hà Văn Hùng	CNVH chính nhà máy	23	
32	Lê Xuân Nam	CNVH chính nhà máy	23	
33	Lê Quang Hào	CNVH chính nhà máy	23	
34	Ngô Văn Linh	CNVH chính nhà máy	23	
35	Phan Lê Hùng	CNVH chính nhà máy	23	
36	Phạm Anh Tuấn	CNVH chính nhà máy	23	
37	Nguyễn Minh Nghĩa	CNVH chính nhà máy	23	
38	Nguyễn Tuấn Anh	CNVH chính nhà máy	23	
39	Phạm Hồng Hải	CNVH chính Trạm OPY	25	
40	Đặng Tất Thành	CNVH chính Trạm OPY	25	
41	Đào Văn Phú	CNVH chính Trạm OPY	25	
42	Bùi Anh Tuấn	CNVH chính Trạm OPY	25	
43	Đỗ Tuấn Anh	CNVH chính Trạm OPY	25	
44	Nguyễn Văn Hải	CNVH phụ Trạm OPY	21	
45	Hoàng Trung Đông	CNVH phụ Trạm OPY	21	
46	Nguyễn Ngọc Hải	CNVH phụ Trạm OPY	21	
47	Vũ Anh Tuấn	CNVH phụ Trạm OPY	21	
48	Nguyễn Tiến Hiệp	CNVH phụ Trạm OPY	21	
49	Nguyễn Hải Dương	Kỹ sư	20	
	Tổng cộng:		2.650	

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 24/26	Ngày sửa đổi 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019


Phụ lục 2: Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc tháng của cá nhân

Số TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm trừ/lần
I	Nội dung liên quan đến công tác thực hiện kế hoạch	
1	Đánh giá kế hoạch, lập kế hoạch kỳ sau mà chậm so với thời gian quy định, cứ chậm 0,5 ngày trừ 01 điểm, tối đa không quá 5 điểm.	1
2	Nội dung kế hoạch không sát với thực tế, trừ 2 điểm; hoặc các công việc đến hạn giải quyết theo các quy chế, quy định, kế hoạch Công ty ban hành mà không đưa vào kế hoạch để thực hiện, thì trừ 05 điểm/1 công việc bị thiếu, tối đa không quá 10 điểm	5
3	Không hoàn thành hoặc không thực hiện các đầu việc trong kế hoạch đã ban hành (do lỗi chủ quan), cứ mỗi công việc không hoàn thành bị trừ 5 điểm	5
4	Hoàn thành chậm tiến độ theo kế hoạch đã ban hành hoặc theo thời hạn yêu cầu của cấp có thẩm quyền (do lỗi chủ quan), mỗi công việc hoàn thành chậm tiến độ bị trừ 0,5 điểm/01 ngày làm việc bị chậm	0,5
5	Chậm nộp kết quả xét duyệt điểm ATĐ (do lỗi chủ quan), trừ 01 điểm/0,5 ngày làm việc bị chậm	1
II	Nội dung liên quan đến cập nhật số liệu, thông tin lên phần mềm	
1	Công tác quản lý kỹ thuật, quản lý sử dụng: Không cập nhật đầy đủ, kịp thời dữ liệu vào sổ và phần mềm theo phân giao, trừ 2 điểm/1 lần/thiết bị	2
2	Công tác quản lý nguồn nhân lực: Không cập nhật đầy đủ dữ liệu vào phần mềm HRMS theo phân giao; Không cập nhật thông tin bổ sung lý lịch cá nhân hàng năm trên phần mềm, trừ 01 điểm/1 lần vi phạm	1
III	Nội dung liên quan đến nội quy, quy định, văn hóa doanh nghiệp	
1	Vi phạm quy định về trang phục làm việc (trang phục văn phòng, BHLĐ, trang phục bảo vệ) và thực hiện biện pháp an toàn, trừ 5 điểm/lần vi phạm	5
2	Vị trí làm việc của cá nhân bản hoặc hồ sơ tài liệu để không ngăn nắp (không để vào giá, kệ, tủ để tài liệu, ...), trừ 1 điểm/lần vi phạm	1
3	Các vi phạm bị giảm điểm thưởng an toàn điện nhưng chưa tới mức giảm hệ số K theo mục 14.1 điều 14 quy định này, trừ 5 điểm.	5
4	Vi phạm các quy định, quy chế, quy trình, luật và văn bản dưới luật ngoài các nội dung nêu trên nhưng chưa đến mức kỷ luật, trừ 3 điểm/lần vi phạm	3
IV	Trường hợp cán bộ, công nhân viên không có công việc cụ thể được thể hiện trên kế hoạch tháng thì trừ 35 điểm	35

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG	Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG	Trang: 25/26	Ngày sửa đổi 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019

Phụ lục 3: Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc tháng của đơn vị

TT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA
I	<p>Gửi đánh giá kế hoạch, nộp kế hoạch kỳ sau đúng thời gian quy định, nội dung kế hoạch sát với thực tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cú nộp chậm nửa ngày bị trừ 1,0 điểm, tối đa trừ không quá 10 điểm. - Nội dung kế hoạch không sát với thực tế hoặc công việc đến hạn giải quyết theo các quy chế, quy định, kế hoạch Công ty ban hành mà không đưa vào kế hoạch để thực hiện, trừ 5 điểm/1 công việc bị thiếu hoặc không sát, tối đa trừ không quá 10 điểm. - Không báo cáo kết quả thực hiện công tác trọng tâm đối với công việc do đơn vị mình chủ trì thực hiện, trừ 01 điểm/01 công việc không báo cáo, tối đa trừ không quá 10 điểm. - Không tự chấm điểm kế hoạch của đơn vị mình trừ 03 điểm. - Nộp kết quả xét duyệt hệ số K, điểm D, điểm ATĐ không đúng thời gian quy định, trừ 1 điểm/0,5 ngày chậm, tối đa trừ không quá 10 điểm. 	10 điểm
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất, công tác.	65 điểm
1	Đơn vị hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao theo KH tháng bảo đảm kịp tiến độ, đạt chất lượng cao	55 điểm
1.1	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao theo chương trình công tác hàng tháng, đúng tiến độ 100% công việc đăng ký, chất lượng công việc hoàn thành tốt.	55 điểm
1.2	Hoàn thành 95% đến 100% nhiệm vụ được giao theo chương trình công tác hàng tháng, chưa đúng tiến độ 100% công việc đăng ký, hoặc chất lượng ở mức hoàn thành mà chưa phải là xuất sắc.	50 điểm
1.3	Hoàn thành 90% đến dưới 95% nhiệm vụ được giao theo chương trình công tác hàng tháng	45 điểm
1.4	Hoàn thành 85% đến dưới 90% nhiệm vụ được giao theo chương trình công tác hàng tháng	40 điểm
1.5	Hoàn thành 80% đến dưới 85% nhiệm vụ được giao theo chương trình công tác hàng tháng	35 điểm
1.6	Hoàn thành 70% đến dưới 80% nhiệm vụ được giao theo chương trình công tác hàng tháng	30 điểm
1.7	Hoàn thành 60% đến dưới 70% nhiệm vụ được giao theo chương trình công tác hàng tháng	20 điểm

	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG		Mã số: QyĐ-01-15	Lần sửa đổi: Lần thứ sáu
	QUY ĐỊNH TRẢ LƯƠNG		Trang: 26/26	Ngày sửa đổi: 21/5/2019 Ngày có hiệu lực: 01/11/2019
1.8	Hoàn thành dưới 60% nhiệm vụ được giao theo chương trình công tác hàng tháng			0 điểm
2	<p>Đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ đột xuất đảm bảo tính kịp thời, chất lượng, điểm chấm là 2 điểm/1 nhiệm vụ đột xuất, tối đa không quá 8 điểm.</p> <p>Nhiệm vụ đột xuất là nhiệm vụ quan trọng, không có trong KH, phát sinh trong tháng đòi hỏi phải giải quyết ngay để đáp ứng yêu cầu sản xuất của Công ty</p>			8 điểm
III	<p>Thực hiện nghiêm chỉnh Pháp luật của Nhà nước, các quy định của EVN, nội quy, quy chế, quy định của Công ty (Trừ 03 điểm/01 lần vi phạm, tối đa không quá 12 điểm)</p> <p><i>- Đơn vị có cá nhân vi phạm lỗi quy định tại mục II và mục III phụ lục 2 sẽ bị trừ 1 điểm/1 lần vi phạm, tối đa trừ không quá 12 điểm.</i></p>			12 điểm
IV	<p>Phối hợp tốt với các đơn vị trong và ngoài cơ quan nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.</p>			15 điểm
	<p>Phối hợp giải quyết tốt, đúng tiến độ 100% khối lượng công việc được giao theo chương trình công tác tháng.</p> <p><i>- Cứ 01 công việc hoàn thành chậm tiến độ đăng ký theo KH tháng thì bị trừ 01 điểm, tối đa không quá 15 điểm.</i></p>			15 điểm